TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2025/DS-PT Ngày 22/01/2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trần Thị Trâm Anh

Các Thẩm phán: Ông Trương Ngọc Hồng

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 11 năm 2024 và ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thúy A**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Hồ Vĩ K**, sinh năm: 1999. (có mặt). Theo giấy uỷ quyền ngày 24/5/2024.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A:* Luật sư Trần Quang A1 – Văn phòng luật sư Trần Quang A1, thuộc đoàn luật sư tỉnh A (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Thành B**, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Hồng T2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thúy A và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Hồ Vĩ K trình bày: Nguyên vào ngày 07/6/2021 bà Nguyễn Thị T1 có vay của bà Huỳnh Thúy A số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Khi vay do tin tưởng nên các bên không có làm giấy tờ hay biên nhận nợ, thời hạn vay là 10 ngày thì bà T1 có trách nhiệm trả lại cho bà A số tiền 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ mặc dù bà A đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T1 hứa mà không trả. Bà A có từng đến nhà bà T1 đòi nợ, bà T1 có báo Công an xã T. Sau đó, có anh N - Công an xã T và Đại diện ấp là anh H đến làm việc tại nhà bà T1. Tại thời điểm làm việc bà T1 thừa nhận nợ bà A số tiền 130.000.000 đồng và cam kết một vụ lúa trả cho bà A 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ số tiền 130.000.000 đồng. Sau đó, vào ngày 12/3/2023 thì bà T1 có trả lần đầu được 20.000.000 đồng cho bà A. Do thời điểm trả số tiền 20.000.000 đồng thì bà A đang phải chấp hành án tội đánh bạc nên bà T1 giao 20.000.000 đồng này cho con trai bà A là Hồ Vĩ K. Như vậy còn lại 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) đến nay bà T1 không trả nữa.

Việc bà T1 cho rằng trong quá trình vay bà T1 đã trả cho bà A được 60.000.000 đồng là không đúng. Bà A xác định bà T1 chỉ trả được cho bà A 20.000.000 đồng trong quá trình vay thông qua việc giao tiền cho Hồ Vĩ K. Còn việc bà T1 cho rằng có trực tiếp giao trả 02 lần cho bà A với số tiền tổng cộng 40.000.000 đồng là không có.

Bà T1 cho rằng có đóng lãi 200.000.000 đồng là không có. Lãi thoả thuận theo quy định pháp luật, nhưng từ ngày vay đến nay bà T1 không có đóng lãi.

Nay bà A yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà A một lần số tiền nợ gốc còn lại 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Bà A không yêu cầu tính lãi.

Bà A không yêu cầu ông Nguyễn Thành B là chồng của bà T1 liên đới trả nợ vì số nợ này bà A cho cá nhân bà T1 vay.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 07/6/2021 bà có vay của bà Huỳnh Thúy A số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), khi vay do tin tưởng nên các bên không có làm giấy tờ hay biên nhận nợ, các bên không có thoả thuận thời hạn vay, chỉ thoả thuận lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, đóng lãi cho đến khi nào có tiền thì trả nợ gốc số tiền

130.000.000 đồng. Quá trình vay bà đã đóng lãi cho bà Thúy A với số tiền hơn 200.000.000 đồng, không có chứng cứ về việc đóng lãi nên bà không yêu cầu Toà án xem xét.

Trong quá trình vay bà có trả cho bà A được 60.000.000 đồng tiền gốc cụ thể:

Lần 1, không nhớ ngày tháng năm nào bà giao trả trực tiếp 20.000.000 đồng cho bà A.

Lần 2, không nhớ ngày tháng năm nào bà giao trả trực tiếp 20.000.000 đồng cho bà A.

Lần 3, vào ngày 12/3/2023 thì bà tiếp tục giao trả 20.000.000 đồng cho con trai bà A là anh Hồ Vĩ K. Do lúc này bà A phải chấp hành án phạt tù tội đánh bạc nên bà mới giao tiền cho K và yêu cầu K viết Biên nhận nhận tiền ngày 12/3/2023.

Sau đó, do không có khả năng trả nợ nữa nên bà Thúy A mới cho người đến nhà bà đòi nợ. Bà có điện báo cho Công an xã T thì phía công an xã là anh N và đại diện ấp là anh H có xuống nhà bà làm việc. Tại thời điểm ông N, ông H giải quyết thì bà có thừa nhận nợ bà A số tiền là 130.000.000 đồng nhưng đã trả được 60.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng bà cam kết trả một vụ lúa với số tiền 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ 70.000.000 đồng.

Việc bà giao trả 02 lần (lần 1 và lần 2) với số tiền tổng cộng 40.000.000 đồng cho Thúy A thì các bên không có làm biên nhận gì và cũng không có ai chứng kiến.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền nợ còn lại 70.000.000 đồng. Do hiện tại bà đang có khó khăn về kinh tế nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 70.000.000 đồng.

Chồng của bà tên là Nguyễn Thành B không biết số nợ này, cũng không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành B: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông B đều không có mặt và không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 31/5/2024 Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thúy A. Buộc bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thúy A số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo với nội dung: yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, bà chỉ thừa nhận số nợ 70.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn bà Huỳnh Thúy A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm buộc bà T1 trả số nợ cho bà Thúy A số tiền 110.000.000 đồng là có căn cứ. Bà T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thành B vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử vắng mặt.

[2] Về nợ vay: Vào ngày 07/6/2021 bà Huỳnh Thúy A có cho bà Nguyễn Thị T1 vay số tiền 130.000.000 đồng, tuy hai bên không làm biên nhận nhưng bà Huỳnh Thúy A và bà Nguyễn Thị T1 đều thừa nhận và thống nhất về số nợ vay này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T1 cho rằng quá trình vay bà đã trả cho bà Thúy A nợ gốc là 60.000.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng trả do anh Hồ Vĩ K nhận dùm bà A, còn 40.000.000 đồng bà trả trực tiếp cho bà Thúy A làm 02 lần nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi đó bà Thúy A chỉ xác nhận bà trả 20.000.000 đồng thông qua anh Hồ Vĩ K, không thừa nhận việc bà T1 trả trực tiếp cho bà Thúy A 40.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 trả số nợ cho bà Thúy A còn thiếu với số tiền 110.000.000 đồng là có căn cứ. Bà T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Bà T1 kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, tuy nhiên bà Thúy A không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thẩm cung C chứng cứ bảo sao kê tài khoản ngân hàng có thể hiện đã chuyển khoản nhiều lần vô tài khoản của bà A từ ngày

24/01/2021 cho đến ngày 15/3/2022 và cho rằng đây là tiền lãi đã chuyển khoản cho bà A, phía bà A không thừa nhận đây là tiền lãi mà chỉ là tiền làm ăn. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, bà T1 đã không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết tiền lãi, đối với nội dung kháng cáo của bà T1 cũng không đề cập đến tiền lãi do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này của bà T1. Trường hợp bà có chứng cứ chứng minh việc đã đóng lãi cho bà Thúy A và có tranh chấp về tiền lãi, bà T1 có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[3] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí: bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thắm . Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thúy A.

- Buộc Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thúy A số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về Án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm :

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí sơ thẩm 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thúy A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003755 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003788 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Trâm Anh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.